

# BẢN TIN THỊ TRƯỜNG CHĂN NUÔI

Điểm tin thị trường Heo hơi ngày 27/9/2021 13:10 27/09

## A. THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

### *Trung Quốc*

- Giá heo hơi Trung Quốc tiếp tục mất thêm gần 0,4 tệ/kg, xuống dưới 11,3 tệ/kg vào hôm nay, tương đương gần 40.000 đồng/kg do nguồn cung heo nái loại thải ra thị trường tăng làm trầm trọng thêm tình trạng dư cung so với nhu cầu tiêu thụ. Tại miền Nam Trung Quốc, hôm nay giá cũng giảm về quanh 12,3 tệ/kg, tương đương 43.000 đồng/kg. So với cùng kỳ năm trước, giá heo Trung Quốc hiện đã mất 2/3 giá trị, rơi về mức thấp nhất kể từ đầu năm 2019.

- Chốt phiên giao dịch cuối tuần trước, giá heo kỳ hạn tháng 11/2021 trên sàn Đại Liên cũng mất mốc 12 tệ/kg, còn hơn 42.000 đồng/kg trong khi các kỳ hạn xa hơn giá tăng nhẹ, lên quanh 47-48.000 đồng/kg.

## B. THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

### Giá heo hơi

- **Tại miền Bắc Việt Nam**, giá heo cũng tiếp đà giảm vào cuối tuần trước và đầu tuần này, còn phổ biến 43-45.000 đồng/kg với các công ty và 42-45.000 đồng/kg với heo dân. Nguồn cung heo biểu to tại miền Bắc có nhiều hơn, gây sức ép lên mặt bằng giá chung và làm giảm nhu cầu đóng heo từ miền Trung và miền Nam ra Bắc. Theo đó, hôm nay một số công ty/trại dân có heo biểu trên 120 kg/con thậm chí giảm giá bán còn 40-41.000 đồng/kg để giải phóng chuồng đưa heo sữa xuống nuôi.

- Nhiều công ty miền Bắc hiện đang kẹt chuồng để thả heo con do heo con rất khó bán trong bối cảnh giá cám cao và giá heo thành phẩm đầu ra thấp gây thua lỗ cho người chăn nuôi ngay cả khi giá heo con giảm còn 1 triệu đồng/con.

- Thương lái miền Bắc tiếp tục giữ tâm lý đóng hàng thận trọng nhằm chờ đợi thêm những tín hiệu tích cực hơn từ nhu cầu tiêu thụ, đặc biệt khi học sinh sinh viên đi học trở lại và các quán hàng ăn được bán tại chỗ.

- **Tại miền Trung và miền Nam**, giá heo cũng có xu hướng giảm vào cuối tuần trước và đầu tuần này, còn dưới 46.000 đồng/kg, trong đó giá heo phổ biến của các công ty từ 42-45.000 đồng/kg.

### Giao dịch tại chợ đầu mối, lò mổ

- **Tại chợ Ngọc Lũ**, hôm nay lượng heo đưa về đạt khoảng 3.000 con. Chợ vẫn bán chậm với giá heo đầu 44.000 đồng/kg, phổ biến 39.000 đồng/kg, hàng chân 35.000 đồng/kg.

- **Tại TPHCM**, mặc dù chợ đầu mối Tân Xuân và Bình Điền đã được mở trở lại dưới dạng điểm trung chuyển nhưng lượng heo đưa vào giết mổ tại các lò mổ quanh thành phố vào cuối tuần trước có xu hướng giảm so với tuần trước đó do các chợ truyền thống vẫn chưa được mở lại.

### Giao dịch biên mậu

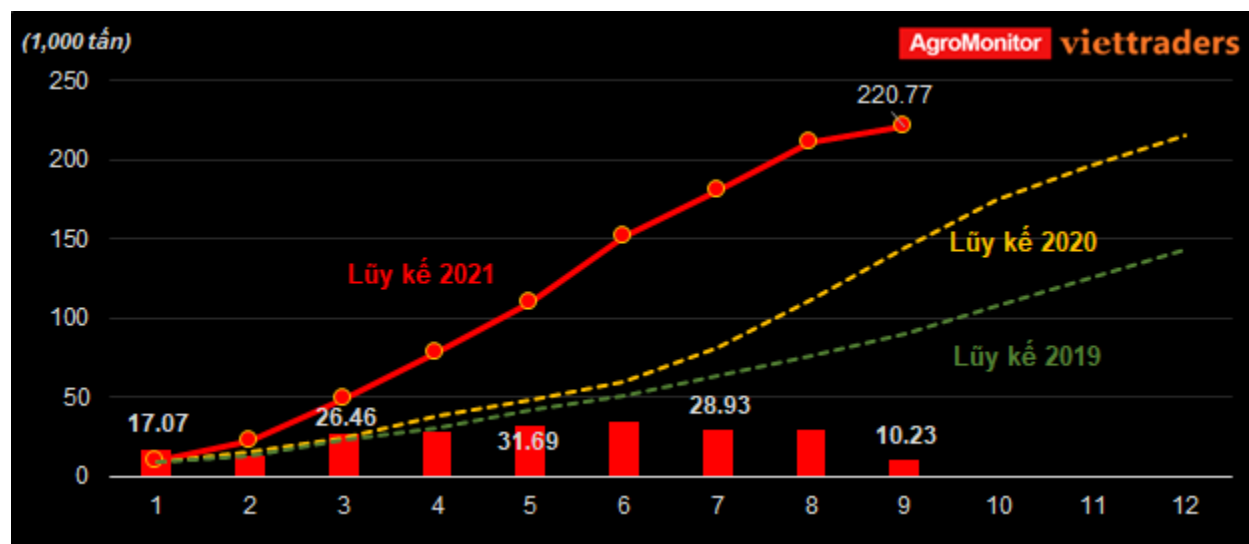
- **Tại các cửa khẩu khu vực Long An**, cuối tuần trước lượng heo xuất sang Campuchia có xu hướng tăng đạt khoảng 500-600 con/ngày khi thời tiết bên Cam ngớt mưa và nhu cầu tiêu thụ tăng lên dịp Tết Pchumben. Tuy

nhiên, do số ca nhiễm Covid 19 tại các tỉnh Campuchia giáp biên giới Việt Nam có xu hướng tăng nên từ đầu tuần này lượng heo đưa lên biên giới giảm lại, còn trên dưới 200con/ngày do biên phòng 2 nước kiểm soát chặt hơn.

Lượng thịt và phụ phẩm từ Heo nhập khẩu về Việt Nam tính đến ngày 14/9/2021 (nghìn tấn)  
13:13 16/09

*Diễn biến lượng thịt và phụ phẩm từ heo nhập khẩu về Việt Nam tính đến ngày 14/09/2021*

[\(xem chi tiết tại đây\)](#)

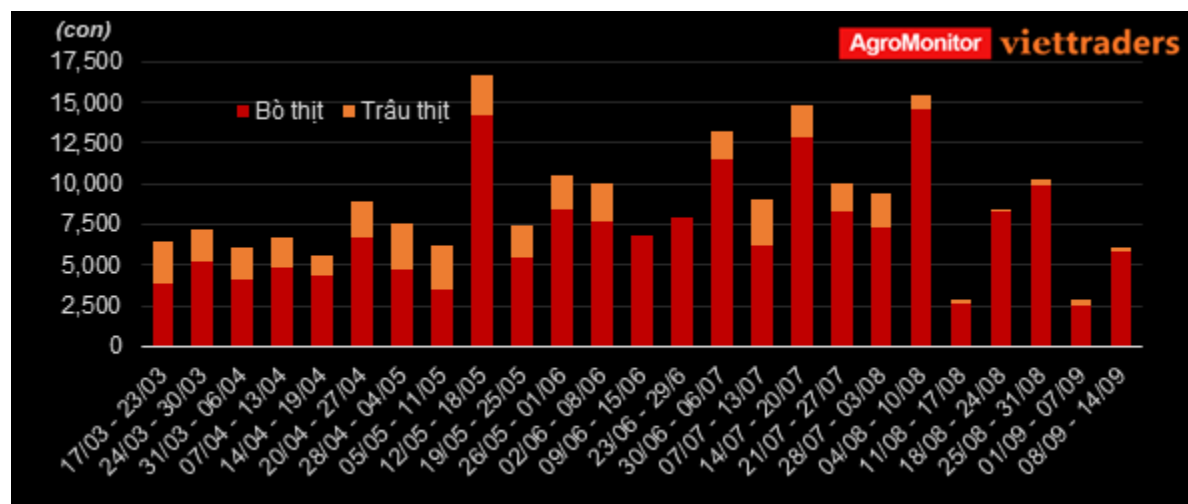


Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Diễn biến lượng trâu/bò thịt nhập khẩu về Việt Nam theo tuần (con) 22:18 16/09

*Lượng trâu/bò phục vụ giết mổ (trâu/bò thịt) nhập khẩu về Việt Nam theo tuần (con)*

[\(xem chi tiết tại đây\)](#)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng giá Heo hơi và heo con ngày 27/9/2021 10:41 27/09

*Bảng 1. Bảng giá heo hơi tại thị trường nội địa (VND/kg)*

	Khu vực	27/09/2021	24/09/2021	Tuần trước
--	---------	------------	------------	------------

Heo công ty	Đồng Nai	44,500-51,500	44,500-51,500	44,500-51,500
	Miền Trung	41,500-52,000	41,500-52,000	41,500-52,000
	Miền Bắc	44,000-51,000	44,000-51,000	44,000-51,000
	Miền Tây	51,000	51,000	51,000-52,000
Heo dân	<i>Miền Bắc</i>			
	Thái Bình	43,000-46,000	46,000-48,000	46,000-48,000
	Bắc Giang	42,000-46,000	45,000-47,000	45,000-47,000
	Hà Nội	43,000-46,000	45,000-47,000	45,000-48,000
	<i>Miền Trung</i>			
	Nghệ An	43,000-45,000	45,000-46,000	45,000-49,000
	Bình Định	46,000-48,000	46,000-50,000	46,000-50,000
	Đắk Lắk	46,000-48,000	46,000-49,000	46,000-49,000
	<i>Miền Nam</i>			
	Đồng Nai	44,000-46,000	44,000-47,000	44,000-47,000
	Tiền Giang	45,000-49,000	46,000-50,000	46,000-50,000
	Bến Tre	42,000-45,000	44,000-47,000	44,000-47,000

*Bảng 2. Bảng giá heo giống tại thị trường nội địa*

Khu vực	Loại heo	27/09/2021	24/09/2021
Miền Nam	Heo công ty – loại 20kg (VND/kg)	100.000	100.000
	Heo công ty – loại xách tai 6-7 kg	1.300.000-1.500.000	1.300.000-1.500.000
	Heo dân – loại xách tai 7-9 kg	1.300.000-1.600.000	1.300.000-1.600.000
Miền Bắc	Heo CP – loại 20kg (VND/kg)	120.000	120.000
	Heo dân – loại xách tai 6-7 kg	1.000.000-1.300.000	1.200.000-1.400.000
	Heo công ty - loại xách tai 6-7 kg	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000

(Ghi chú: Heo CP – loại 20kg đvt là VND/kg, các loại còn lại là VND/con)

Bảng giá thị trường Gia cầm ngày 27/9/2021 10:28 27/09

### Gà trắng

*Bảng 1. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)*

	Khu vực	27/09/2021	24/09/2021	Tuần trước
Gà công ty	Miền Bắc	20.500-22.000	22.000-23.000	22.000-27.000
	Miền Nam	12.000-13.000	12.000-13.000	14.000-16.000
Gà trong dân	<i>Miền Bắc</i>			
	Thái Nguyên	20.000-22.000	21.500-23.000	22.000-26.000
	Vĩnh Phúc	20.000-22.500	22.000-23.500	22.000-26.500
	Hà Nội	20.000-22.500	22.000-23.500	22.000-26.500
<i>Miền Nam</i>				

	Bình Dương	11.000-12.000	11.000-12.000	12.000-15.000
	Bình Phước	11.000-12.000	11.000-12.000	13.000-16.000

## Gà màu

*Bảng 2. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)*

Khu vực	27/09/2021	24/09/2021	Tuần trước
Gà ta lai CP – miền Bắc	38.000	38.000	38.000
Gà ta lai CP – miền Nam	33.000-34.000	33.000-34.000	31.000-34.000
Gà màu Dabaco – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	49.000-51.000	49.000-51.000	48.000-51.000
Gà màu Dabaco – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	38.000-39.000	38.000-39.000	38.000-39.000
Gà Minh Dur – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	48.000-50.000	48.000-50.000	48.000-50.000
Gà Minh Dur – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	40.000-42.000	40.000-42.000	40.000-42.000

## Vịt thịt

*Bảng 3. Giá vịt thịt bán ra tại trại (đồng/kg)*

Vùng/miền	27/09/2021	24/09/2021	Tuần trước
Miền Bắc – Vịt Super	43.000-44.000	42.000-44.000	38.000-44.000
Miền Đông – Vịt Grimaud	38.000-39.000	38.000-39.000	35.000-39.000
Miền Tây – Vịt Grimaud	42.000-44.000	41.000-42.000	37.000-44.000

Bảng giá Heo hơi tại Trung Quốc và Thái Lan ngày 27/9/2021 07:16 27/09

Giá heo miền Nam Trung Quốc giảm mạnh về vùng thấp nhất kể từ đầu năm 2019 do thiếu vắng những tín hiệu tích cực từ thị trường.

*Bảng 1. Bảng giá giao dịch heo hơi tại Trung Quốc, Thái Lan và một số nước châu Á khác*

Khu vực	Đơn vị	Giá	Biến động giá				VND/kg
			1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
<b>Trung Quốc</b>							
Quảng Đông	CNY/kg	12,35	▼0,44	▼1,44	▼3,26	▼22,92	43.500
Quảng Tây		12,30	▼0,30	▼1,40	▼2,74	▼23,01	43.300
Vân Nam		10,12	▼0,60	▼1,25	▼2,97	▼23,84	35.600
Phúc Kiến		11,85	▼0,48	▼1,70	▼3,18	▼23,93	41.700
Tứ Xuyên		11,80	▼0,47	▼1,07	▼2,29	▼22,80	41.500
Liêu Ninh		10,50	▼0,02	▼1,27	▼3,20	▼21,39	37.000
Hà Bắc		10,72	▼0,52	▼1,61	▼3,55	▼21,49	37.700
Sơn Đông		11,31	▼0,07	▼1,02	▼3,21	▼20,94	39.800
<b>Bình quân</b>			<b>11,26</b>	<b>▼0,35</b>	<b>▼1,37</b>	<b>▼3,12</b>	<b>▼22,13</b>
<b>Thái Lan</b>							
Miền Bắc	Baht/kg	67,50	—0,00	—0,00	▼0,50	-	46.900
Vùng Đông Bắc		71,00	—0,00	—0,00	—0,00	-	49.400
Miền Trung		59,00	—0,00	▼1,00	▼3,00	▼21,00	41.000
Miền Đông		76,00	—0,00	—0,00	—0,00	▼4,00	52.900
Miền Tây		60,00	—0,00	—0,00	▼8,00	-	41.700
Miền Nam		69,00	—0,00	—0,00	▼2,00	-	48.000
<b>Bình quân</b>			<b>67,08</b>	<b>—0,00</b>	<b>▼0,17</b>	<b>▼2,25</b>	<b>▼12,92</b>
<b>Campuchia</b>							
<b>Bình quân</b>	KHR/kg	14.800	—0,00	▲800	▲900	▲800	82.400
<b>Indonesia</b>							
<b>Bình quân</b>	IDR/kg	60.066	▲1.432	▲2.334	▲3.426	▲20.268	95.500

Thị trường Gia súc thế giới ngày 27/9/2021

07:20 27/09/2021

<b>TÓM TẮT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG GIA SÚC THẾ GIỚI NGÀY 27/09/2021</b>	
<b>Thị trường Heo</b>	<p>▶ <u>Giá heo Trung Quốc</u></p> <p>- Giá bình quân giảm còn 11,26 tệ/kg (▼0,35 tệ/kg);</p> <p>- Tại tỉnh Quảng Tây, giá heo đạt 12,30 tệ/kg (▼0,30 tệ/kg).</p>
	<p>▶ <u>Giá heo Thái Lan</u></p>

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá heo vẫn dao động phổ biến 60-72 Baht/kg (<b>—0,00</b> baht/kg);</li> <li>- Giá heo con vẫn ở mức thấp nhất trong vòng 1 năm.</li> </ul>
<p>▶ <b>Giá heo Campuchia</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá heo tăng lên 14.800 riel/kg, tiếp tục tạo mức chênh lệch giá hấp dẫn với giá heo miền Nam Việt Nam.</li> </ul>

## A. THỊ TRƯỜNG HEO

### ▶ **Tại Trung Quốc**

- Giá heo hơi Trung Quốc tiếp tục mất thêm gần 0,4 tệ/kg, xuống dưới 11,3 tệ/kg vào hôm nay, tương đương gần 40.000 đồng/kg do nguồn cung heo nái loại thải ra thị trường tăng làm trầm trọng thêm tình trạng dư cung so với nhu cầu tiêu thụ. Tại miền Nam Trung Quốc, hôm nay giá cũng giảm về quanh 12,3 tệ/kg, tương đương 43.000 đồng/kg. So với cùng kỳ năm trước, giá heo Trung Quốc hiện đã mất 2/3 giá trị, rơi về mức thấp nhất kể từ đầu năm 2019.

- Chốt phiên giao dịch cuối tuần trước, giá heo kỳ hạn tháng 11/2021 trên sàn Đại Liên cũng mất mốc 12 tệ/kg, còn hơn 42.000 đồng/kg trong khi các kỳ hạn xa hơn giá tăng nhẹ, lên quanh 47-48.000 đồng/kg.

### DIỄN BIẾN GIÁ

Giá heo miền Nam Trung Quốc giảm mạnh về vùng thấp nhất kể từ đầu năm 2019 do thiếu vắng những tín hiệu tích cực từ thị trường.

*Bảng 1. Bảng giá giao dịch heo hơi tại Trung Quốc, Thái Lan và một số nước châu Á khác*

Khu vực	Đơn vị	Giá	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
			1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
<b>Trung Quốc</b>							
Quảng Đông	CNY/kg	12,35	▼0,44	▼1,44	▼3,26	▼22,92	43.500
Quảng Tây		12,30	▼0,30	▼1,40	▼2,74	▼23,01	43.300
Vân Nam		10,12	▼0,60	▼1,25	▼2,97	▼23,84	35.600
Phúc Kiến		11,85	▼0,48	▼1,70	▼3,18	▼23,93	41.700
Tứ Xuyên		11,80	▼0,47	▼1,07	▼2,29	▼22,80	41.500
Liêu Ninh		10,50	▼0,02	▼1,27	▼3,20	▼21,39	37.000

Hà Bắc		10,72	▼0,52	▼1,61	▼3,55	▼21,49	37.700
Sơn Đông		11,31	▼0,07	▼1,02	▼3,21	▼20,94	39.800
<b>Bình quân</b>		<b>11,26</b>	<b>▼0,35</b>	<b>▼1,37</b>	<b>▼3,12</b>	<b>▼22,13</b>	<b>39.600</b>
<b>Thái Lan</b>							
Miền Bắc		67,50	—0,00	—0,00	▼0,50	-	46.900
Vùng Đông Bắc		71,00	—0,00	—0,00	—0,00	-	49.400
Miền Trung		59,00	—0,00	▼1,00	▼3,00	▼21,00	41.000
Miền Đông	Baht/kg	76,00	—0,00	—0,00	—0,00	▼4,00	52.900
Miền Tây		60,00	—0,00	—0,00	▼8,00	-	41.700
Miền Nam		69,00	—0,00	—0,00	▼2,00	-	48.000
<b>Bình quân</b>		<b>67,08</b>	<b>—0,00</b>	<b>▼0,17</b>	<b>▼2,25</b>	<b>▼12,92</b>	<b>46.700</b>
<b>Campuchia</b>							
<b>Bình quân</b>	KHR/kg	14.800	—0,00	▲800	▲900	▲800	82.400
<b>Indonesia</b>							
<b>Bình quân</b>	IDR/kg	60.066	▲1.432	▲2.334	▲3.426	▲20.268	95.500

Hình 1. Diễn biến giá heo hơi tại Trung Quốc, 27/09/2020 – 27/09/2021 (VND/kg)



Hình 2. Diễn biến giá heo hơi tại Thái Lan, 26/09/2020 – 26/09/2021 (VND/kg)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Tuần này, giá heo hơi các kỳ hạn tại sàn Đại Liên tiếp tục giảm thêm, đặc biệt tại các kỳ hạn gần, Trong đó, riêng kỳ hạn tháng 11 đã mất tới trên 50% giá trị so với hồi đầu năm.

*Bảng 2. Bảng giá heo hơi các kỳ hạn giao dịch tại sàn Đại Liên trong tuần*

Kỳ hạn	20/09	21/09	22/09	23/09	24/09	Bình quân tuần		
						Tệ/kg	So với tuần trước	VND/kg
Tháng 9/2021	-	-	13,27	13,27	13,27	13,27	-	46.800
Tháng 11/2021	-	-	12,44	12,20	11,96	12,20	▼0,97	43.000
Tháng 1/2022	-	-	13,86	13,61	13,64	13,70	▼0,77	48.300
Tháng 3/2022	-	-	13,39	13,22	13,33	13,31	▼0,74	46.900
Tháng 5/2022	-	-	14,82	14,43	14,45	14,56	▼0,57	51.300
Tháng 7/2022	-	-	15,73	15,54	15,62	15,63	▼0,32	55.100

Giá heo con Trung Quốc tiếp tục điều chỉnh giảm thêm do nhu cầu vào đàn mới rất yếu khi giá heo hơi thành phẩm vẫn neo ở vùng thấp.

*Bảng 3. Bảng giá giao dịch heo con tại Trung Quốc và Thái Lan*

Khu vực	Đơn vị	Giá	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
			1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
<b>Trung Quốc</b>							
Vùng Đông Bắc	CNY/kg	17,57	—0,00	▼2,32	▼3,89	▼85,13	61.900
Miền Bắc		19,34	—0,00	▼2,41	▼4,54	▼87,07	68.200
Miền Đông		21,44	—0,00	▼2,65	▼6,10	▼87,63	75.600
Miền Trung		21,31	—0,00	▼2,59	▼5,01	▼90,64	75.100
Miền Nam		23,34	—0,00	▼2,87	▼6,04	▼89,69	82.200
Vùng Tây Nam		21,35	—0,00	▼2,23	▼4,88	▼88,81	75.300
Vùng Tây Bắc		20,09	—0,00	▼2,08	▼4,42	▼86,10	70.800
<b>Bình quân</b>			<b>20,80</b>	<b>—0,00</b>	<b>▼2,42</b>	<b>▼4,74</b>	<b>▼87,61</b>
<b>Thái Lan</b>							
CP – 6kg	Baht/con	1.300	—0,00	—0,00	▼200	▼1.200	903.000
CP – 16kg		1.600 (+/- 64)	—0,00	—0,00	▼200	▼1.200	1.112.000
CP – 25kg		1.700 (+/- 64)	—0,00	—0,00	▼200	▼1.200	1.181.000
Trại dân – 12kg		1.500	—0,00	—0,00	▼200	▼1.200	1.042.000

## CHUYÊN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

**Dịch bệnh – Thiên tai**



*Bảng 4. Thống kê dịch tả heo châu Phi (ASF) trên thế giới trong năm 2021*

Ngày	Thông tin về ổ dịch mới nhất
13-14/09/2021	- <b>Ba Lan</b> đã phát hiện 80 con heo nuôi và 13 con heo rừng bị nhiễm bệnh tại 5 khu vực, trong đó 2033 con heo nuôi đã nhiễm bệnh, 723 con đã chết và tổng cộng có 35000 con đã bị tiêu hủy theo.
14/09/2021	- <b>Nam Phi</b> cho biết tại 4 khu vực đã xuất hiện 10 ổ dịch trên heo nuôi khiến 816 con bị nhiễm bệnh, 806 con bị chết và 22 con khác bị tiêu hủy theo.
21/09/2021	- <b>Haiti (Bắc Mỹ)</b> ghi nhận sự xuất hiện trở lại của dịch tả heo châu Phi sau gần 37 năm, như vậy ngoài Dominica thì Haiti có nguy cơ trở thành điểm nóng dịch bệnh ở vùng biển Caribe.

### **Thương mại**

#### **▶ Tại Thái Lan**

*Trong tuần kết thúc 18/09, Thái Lan giảm mạnh lượng xuất khẩu heo sống sang Campuchia với lượng đi bình quân chỉ từ 500-800 con/ngày, như vậy lượng heo Thái Lan xuất khẩu vẫn ở mức thấp, quanh 1.000 con/ngày sang Trung Quốc và Campuchia.*

*Bảng 5. Tiến độ xuất khẩu heo sống của Thái Lan (con/ngày)*

Thị trường	Tuần kết thúc 11/09	Tuần kết thúc 18/09	Thay đổi	Ghi chú
Campuchia	1.000-1.200	500-800	▼400-500	Toàn bộ là heo thịt
Lào	-	-	-	
Trung Quốc	300	300	-	Toàn bộ là heo nuôi
Myanmar	-	-	-	
Việt Nam	-	-	-	

## **B. THÔNG TIN KINH TẾ KHÁC**

*Bảng 6. Tỷ giá một số đồng tiền chính ngày 27/09/2021*

Mã ngoại tệ/ Quốc gia	So với USD			So với VND		
	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)
AUD (Úc)	AUD/USD	0,726	—0,00	AUD/VND*	16.862	—0,00
BRL (Brazil)	BRL/USD	0,187	—0,00	-	-	-
CAD (Canada)	CAD/USD	0,791	—0,00	CAD/VND*	18.248	—0,00
CNY (Trung Quốc)	CNY/USD	0,155	—0,00	CNY/VND	3.520	—0,00

EUR (Châu Âu)	EUR/USD	1,172	—0,00	EUR/VND*	27.400	—0,00
GBP (Anh)	GBP/USD	1,368	—0,00	GBP/VND*	31.702	—0,00
IDR (Indonesia)	-	-	-	IDR/VND	1,59	—0,00
KHR (Campuchia)	-	-	-	KHR/VND	5,57	—0,00
THB (Thái Lan)	THB/USD	0,030	—0,00	THB/VND*	695	—0,00
USD (Mỹ)	-	-	-	USD/VND*	22,860	—0,00

Ghi chú: \* giá bán ra của Vietcombank  
Thị trường Gia cầm thế giới ngày 27/9/2021

08:10 27/09/2021

### CÁC DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG GIA CẦM THẾ GIỚI

<b>Thị trường Gia cầm</b>	<p>▶ <b>Tại Trung Quốc</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Do ảnh hưởng bởi dịch bệnh, số ca nhiễm Covid-19 cộng đồng tại Trung Quốc xuất hiện trở lại khiến nhu cầu tiêu thụ sụt giảm rõ rệt, giá gà trắng thịt tiếp tục điều chỉnh giảm mạnh xuống mức 7,16 tệ/kg</li> <li>- Giá vịt thịt quay đầu bắt ngờ giảm mạnh trở lại, xuống còn quanh mức 8,90 tệ/kg</li> </ul>
---------------------------	--

### DIỄN BIẾN GIÁ

#### ▶ **Tại Trung Quốc**

- Do ảnh hưởng bởi dịch bệnh, số ca nhiễm Covid-19 cộng đồng tại Trung Quốc xuất hiện trở lại khiến nhu cầu tiêu thụ sụt giảm rõ rệt, giá gà trắng thịt tiếp tục điều chỉnh giảm mạnh xuống mức 7,16 tệ/kg, tương đương hơn 25.000 đồng/kg.

- Có diễn biến tương tự, do ảnh hưởng của giá gà thịt giảm sâu, người chăn nuôi không mấy lạc quan vào thị trường, tâm lý bổ sung con giống dè chừng hơn khiến giá gà trắng giống quay đầu giảm lại, xuống còn quanh mức 1,52 tệ/con, tương đương gần 5.500 đồng/con.

- Sau kì nghỉ lễ Trung thu, các siêu thị tiếp tục tiêu thụ chủ yếu nốt lượng hàng tồn kho, nhu cầu tiêu thụ ở chợ đầu mối rất yếu khiến giá trứng tiếp đà giảm thêm, xuống còn quanh mức 9,30 tệ/kg, tương đương hơn 32.500 đồng/kg.

- Giá vịt thịt quay đầu bắt ngờ giảm mạnh trở lại, xuống còn quanh mức 8,90 tệ/kg, tương đương 31.300 đồng/kg trong bối cảnh dịch bệnh tái bùng phát trở lại tại một số khu vực. Tương tự, giá vịt giống cũng điều chỉnh giảm lại, xuống còn quanh mức 2,09 tệ/con, tương đương 7.000 đồng/con.

*Bảng 1. Bảng giá giao dịch gà, vịt tại các nước ngày 26/09/2021*

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	So với hôm trước	So với cùng kì năm trước	VND/kg, VND/con
Trung Quốc	Gà trắng thịt	CNY/kg	7,16	▼0,38	-	25.200
	Gà trắng giống	CNY/con	1,52	▼0,24	-	5.350
	Vịt thịt	CNY/kg	8,90	▼0,44	-	31.330
	Vịt giống	CNY/con	2,09	▼0,15	-	7.360
Thái Lan	Gà sống tại trại	Baht/kg	30,5	—0,00	-	21.200
	Gà nửa con	Baht/kg	67,5	—0,00	-	46.910
	Gà giống (CP)	Baht/con	17,0	—0,00	-	11.820
Brazil	Thịt gà đông lạnh	USD/kg	-	-	-	-
	Thịt gà làm mát	USD/kg	-	-	-	-
Mỹ (miền Trung)	Gà sống	Cents/pound	50,0-69,0	—0,00	-	25.230-34.820
	Đùi gà	Cents/pound	43,0-53,0	—0,00	-	21.700-26.750
	Chân gà	Cents/pound	60,0-70,0	▲10,0	-	30.280-35.320
	Cánh gà	Cents/pound	270,0-333,0	▲11,0-20,0	-	136.250-168.040

Bảng 2. Bảng giá giao dịch trứng tại các nước ngày 26/09/2021

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	So với hôm trước	So với cùng kì năm trước	VND/kg, VND/1 quả trứng
Trung Quốc	Trứng gà	CNY/kg	9,30	▼0,04	-	32.740
	(DCE) Kì hạn T10/2021	CNY/500kg	-	-	-	-
	(DCE) Kì hạn T11/2021	CNY/500kg	-	-	-	-
	(DCE) Kì hạn T12/2021	CNY/500kg	-	-	-	-
Thái Lan	Trứng gà tươi	Baht/100 quả trứng	300,0	—0,00	▲30	2.090
	Trứng số 3	Baht/100 quả trứng	326,0	—0,00	▲46	2.270
	Trứng số 4	Baht/100 quả trứng	310,0	—0,00	▲47	2.150
Campuchia	Trứng gà CP	Riel/quả	450,0	—0,00	-	2.510

Mỹ

*Bảng 3. Lượng gà thịt được đưa vào giết mổ tại Mỹ theo tuần (1000 con)*

Tuần kết thúc	Số lượng	Thay đổi so với tuần trước (%)
24/09/2021	160,326	+0,49
17/09/2021	159,540	+13,2
10/09/2021	140,894	-12,9
03/09/2021	161,854	-0,15
28/08/2021	162,104	-1,5

### CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

- Tại Trung Quốc, giá gà trắng thịt có thể tiếp tục ở mức thấp trong tháng 10 khi nhu cầu tiêu thụ tiêu thụ vẫn yếu. Về nguồn cung, thời tiết mát mẻ, dễ chịu hơn hỗ trợ việc chăn nuôi gà tương đối thuận lợi, dự kiến lượng gà thịt sẽ tăng đáng kể trong tháng 10. Về bên cầu, mặc dù kì nghỉ lễ Quốc khánh kéo dài 7 ngày trong tháng 10 đang đến gần, tuy nhiên các công ty chế biến thực phẩm và các nhà phân phối vẫn thận trọng, dè chừng trong việc lấy hàng, tiêu thụ trên thị trường nhìn chung rất chậm. Bên cạnh đó, giá hàng hóa thay thế- đặc biệt là giá thịt heo vẫn ở mức thấp tiếp tục tác động xấu đến thị trường gia cầm, dự kiến giá gà trắng thịt khó có thể hồi phục trở lại.

### THÔNG TIN KINH TẾ KHÁC

*Bảng 4. Tỷ giá một số đồng tiền chính*

Mã ngoại tệ/ Quốc gia	So với VND		
	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%) so với hôm trước
CNY (Trung Quốc)	CNY/VND	3.520	—0,00
EUR (Châu Âu)	EUR/VND*	27.400	—0,00
KHR (Campuchia)	KHR/VND	5,57	—0,00
THB (Thái Lan)	THB/VND*	695	—0,00
USD (Mỹ)	USD/VND*	22,860	—0,00

Ghi chú: \* giá bán ra của Vietcombank

Thị trường Gia súc nội địa ngày 27/9/2021

13:52 27/09/2021

**TÓM TẮT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG GIA SÚC NGÀY 27/09/2021**

**THỊ TRƯỜNG HEO**

Giá heo hơi nội địa	▶ <u>Miền Bắc</u>	<p>Heo trong chuẩn: giá heo công ty: <b>43.000-45.000</b> đồng/kg;  giá heo dân: <b>42.000-45.000</b> đồng/kg</p> <p>Heo biểu &gt;120kg: một số công ty/trại dân thậm chí giảm còn <b>40.000-41.000</b> đồng/kg</p> <p>- Thương lái miền Bắc tiếp tục giữ tâm lý đóng hàng thận trọng nhằm chờ đợi thêm những tín hiệu tích cực hơn từ nhu cầu tiêu thụ, đặc biệt khi học sinh sinh viên đi học trở lại và các quán hàng ăn được bán tại chỗ.</p>	<p><b>Lưu chuyển heo Bắc-Trung-Nam:</b></p> <p>- Nguồn cung heo biểu to tại miền Bắc có nhiều hơn, gây sức ép lên mặt bằng giá chung và làm giảm nhu cầu đóng heo từ miền Trung và miền Nam ra Bắc.</p>
	▶ <u>Miền Trung &amp; Miền Nam</u>	<p>Giá heo cũng có xu hướng giảm vào cuối tuần trước và đầu tuần này, còn <b>&lt;46.000</b> đồng/kg, trong đó giá heo phổ biến của các công ty từ <b>42.000-45.000</b> đồng/kg</p>	
Giao dịch tại chợ đầu mối/lò mổ	▶ <u>Chợ Ngoc Lũ</u>	<p>Lượng heo về chợ: <b>3,000</b> con (▼<b>1.000</b> con)</p> <p>Chợ bán chậm với giá heo đầu <b>44.000</b> đồng/kg (▼<b>1.000</b> đồng/kg), phổ biến <b>39.000</b> đồng/kg, hàng chân <b>35.000</b> đồng/kg</p>	
	▶ <u>Lò mổ khu vực Hà Nội</u>	<p>- Tại lò Vạn Phúc:</p> <p>Giá heo mảnh: <b>55,000-65,000</b> đồng/kg.</p>	
	▶ <u>Chợ đầu mối TPHCM</u>	<p>- Tại TPHCM, lượng heo đưa vào giết mổ tại các lò mổ quanh thành phố vào cuối tuần trước có xu hướng giảm so với tuần trước đó do các chợ truyền thống vẫn chưa được mở lại.</p>	
Giao dịch biên mậu	<p><b>Tại các cửa khẩu khu vực Long An</b>, nếu như cuối tuần trước lượng heo xuất sang Campuchia có xu hướng tăng đạt khoảng 500-600 con/ngày thì sang đến đầu tuần này, do số ca nhiễm Covid 19 tại các tỉnh Campuchia giáp biên giới Việt Nam có xu hướng tăng nên từ đầu tuần này lượng heo đưa lên biên giới giảm lại, còn trên dưới 200con/ngày.</p>		

## A. THỊ TRƯỜNG HEO

### Giá cả và giao dịch heo hơi nội địa

- **Tại miền Bắc Việt Nam**, giá heo tiếp đà giảm vào cuối tuần trước và đầu tuần này, còn phổ biến 43-45.000 đồng/kg với các công ty và 42-45.000 đồng/kg với heo dân. Nguồn cung heo biểu to tại miền Bắc có nhiều hơn, gây sức ép lên mặt bằng giá chung và làm giảm nhu cầu đóng heo từ miền Trung và miền Nam ra Bắc. Theo đó, hôm nay một số công ty/trại dân có heo biểu trên 120 kg/con thậm chí giảm giá bán còn 40-41.000 đồng/kg để giải phóng chuồng đưa heo sữa xuống nuôi.

- Nhiều công ty miền Bắc hiện đang kẹt chuồng để thả heo con do heo con rất khó bán trong bối cảnh giá cám cao và giá heo thành phẩm đầu ra thấp gây thua lỗ cho người chăn nuôi ngay cả khi giá heo con giảm còn 1 triệu đồng/con.

- Thương lái miền Bắc tiếp tục giữ tâm lý đóng hàng thận trọng nhằm chờ đợi thêm những tín hiệu tích cực hơn từ nhu cầu tiêu thụ, đặc biệt khi học sinh sinh viên đi học trở lại và các quán hàng ăn được bán tại chỗ.

- **Tại miền Trung và miền Nam**, giá heo cũng có xu hướng giảm vào cuối tuần trước và đầu tuần này, còn dưới 46.000 đồng/kg, trong đó giá heo phổ biến của các công ty từ 42-45.000 đồng/kg.

*Bảng 1. Bảng giá heo hơi tại thị trường nội địa (VND/kg)*

	Khu vực	27/09/2021	24/09/2021	Tuần trước
Heo công ty	Đồng Nai	44,500-51,500	44,500-51,500	44,500-51,500
	Miền Trung	41,500-52,000	41,500-52,000	41,500-52,000
	Miền Bắc	44,000-51,000	44,000-51,000	44,000-51,000
	Miền Tây	51,000	51,000	51,000-52,000
Heo dân	<i>Miền Bắc</i>			
	Thái Bình	43,000-46,000	46,000-48,000	46,000-48,000
	Bắc Giang	42,000-46,000	45,000-47,000	45,000-47,000
	Hà Nội	43,000-46,000	45,000-47,000	45,000-48,000
	<i>Miền Trung</i>			
	Nghệ An	43,000-45,000	45,000-46,000	45,000-49,000
	Bình Định	46,000-48,000	46,000-50,000	46,000-50,000
	Đắk Lắk	46,000-48,000	46,000-49,000	46,000-49,000
	<i>Miền Nam</i>			
	Đồng Nai	44,000-46,000	44,000-47,000	44,000-47,000
	Tiền Giang	45,000-49,000	46,000-50,000	46,000-50,000
	Bến Tre	42,000-45,000	44,000-47,000	44,000-47,000

*Bảng 2. Bảng giá heo giống tại thị trường nội địa*

Khu vực	Loại heo	27/09/2021	24/09/2021
Miền Nam	Heo công ty – loại 20kg (VND/kg)	100.000	100.000
	Heo công ty – loại xách tại 6-7 kg	1.300.000-1.500.000	1.300.000-1.500.000
	Heo dân – loại xách tại 7-9 kg	1.300.000-1.600.000	1.300.000-1.600.000
	Heo CP – loại 20kg (VND/kg)	120.000	120.000

Miền Bắc	Heo dân – loại xách tai 6-7 kg	1.000.000-1.300.000	1.200.000-1.400.000
	Heo công ty - loại xách tai 6-7 kg	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000

(Ghi chú: Heo CP – loại 20kg đvt là VND/kg, các loại còn lại là VND/con)

**Bảng 3. Theo dõi tình hình dịch bệnh trên heo tại các vùng**

Khu vực	Xu hướng dịch bệnh
Miền Bắc	- Nhìn chung, dịch tả châu Phi đã khá êm, chỉ còn lại rải rác một vài ổ dịch nhỏ quanh khu vực Hà Nội, Vĩnh Phúc, Hà Nam...
Miền Trung	- Tại Nam miền Trung: Bệnh tả heo châu Phi đang nổi mạnh hơn tại nhiều địa phương. Các tỉnh Tây Nguyên như Đắk Lắk, Gia Lai cũng ghi nhận thêm nhiều trại bị tả châu Phi. Bên cạnh đó, thời tiết mưa nhiều khiến nhiều bệnh trên heo cũng bùng phát nhiều hơn.
Miền Nam	- Tại Đồng Nai, dịch tả châu Phi có xu hướng nổi nhiều hơn do miền Nam đang trong mùa mưa. Cùng với đó một số khu vực khác thuộc miền Đông như Bình Dương, Bình Phước cũng đang nổi dịch bệnh này. - Tại miền Tây, dịch tả châu Phi và tai xanh vẫn rải rác tại nhiều trại thuộc Bến Tre, Tiền Giang...

### Giao dịch tại các chợ đầu mối/lò mổ

- **Tại chợ Ngọc Lũ**, hôm nay lượng heo đưa về đạt khoảng 3.000 con. Chợ vẫn bán chậm với giá heo đầu 44.000 đồng/kg, phổ biến 39.000 đồng/kg, hàng chân 35.000 đồng/kg.

- **Tại TPHCM**, mặc dù chợ đầu mối Tân Xuân và Bình Điền đã được mở trở lại dưới dạng điểm trung chuyển nhưng lượng heo đưa vào giết mổ tại các lò mổ quanh thành phố vào cuối tuần trước có xu hướng giảm so với tuần trước đó do các chợ truyền thống vẫn chưa được mở lại.

**Bảng 4. Giá heo mảnh và phụ phẩm từ heo của các công ty/lò mổ (đồng/kg)**

Phân loại	Khu vực	27/09/2021	24/09/2021	
Heo mảnh	Công ty	CP - miền Bắc	68,000	68,000
		CP - miền Nam	67,000	67,000
		CJ - miền Nam	66,000	66,000
		Emivest - miền Nam	66,500	66,500
Lò mổ	Vạn Phúc – Hà Nội	55.000-65.000	55.000-67.000	
	Phụ phẩm	Lò mổ	Vạn Phúc – Hà Nội	-
Lộc An - TPHCM	21,000		21,000	

**Bảng 5. Lượng heo giết mổ tại các lò mổ trên địa bàn TPHCM (con)**

STT	Thời gian	Tổng lượng heo giết mổ tại các lò mổ TPHCM	So với công suất
	Công suất của các lò mổ	15,730	-
1	Tháng 6 (25/6)	5,674	36.1%
2	Tháng 8 (15/8)	3,871	24.6%
3	Tháng 9 (3/9)	2,920	18.6%

4	Tháng 9 (10/9)	2,753	17.5%
5	Tháng 9 (17/9)	3,085	19.6%
6	Tháng 9 (24/9)	2,909	18.5%

### Giao dịch biên mậu

- **Tại các cửa khẩu khu vực Long An**, cuối tuần trước lượng heo xuất sang Campuchia có xu hướng tăng đạt khoảng 500-600 con/ngày khi thời tiết bên Cam ngớt mưa và nhu cầu tiêu thụ tăng lên dịp Tết Pchumben. Tuy nhiên, do số ca nhiễm Covid 19 tại các tỉnh Campuchia giáp biên giới Việt Nam có xu hướng tăng nên từ đầu tuần này lượng heo đưa lên biên giới giảm lại, còn trên dưới 200con/ngày do biên phòng 2 nước kiểm soát chặt hơn.

## **B. THỊ TRƯỜNG BÒ**

### Giá cả giao dịch nội địa

*Bảng 6. Giá bò hơi và bò tuốt tại thị trường miền Bắc (đồng/kg)*

<b>Chủng loại</b>	<b>27/09/2021</b>	<b>24/09/2021</b>
Bò cái già	75.000-78.000	75.000-78.000
Bò cái tơ	82.000-83.000	82.000-83.000
Bò thiến – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	88.000-91.000	88.000-91.000
Bò thiến – loại nuôi vỗ béo	83.000-86.000	83.000-86.000
Bò cừu – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	92.000-94.000	92.000-94.000
Bò nội – bò 3B	95.000-100.000	95.000-100.000
Bò tuốt – khu vực Hải Bối (Đông Anh) – bò Úc	210.000	210.000
Bò tuốt – công ty bán ra – bò Úc	212.000	212.000
Bò tuốt – bò ta	222.000	222.000

*Bảng 7. Giá bò hơi và bò tuốt tại thị trường miền Nam (đồng/kg)*

<b>Chủng loại</b>	<b>27/09/2021</b>	<b>24/09/2021</b>
Bò thiến – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	87.000	87.000
Bò thiến – loại nuôi vỗ béo	85.000	85.000
Bò cừu – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng. tùy cân nặng	90.000-92.000	90.000-92.000
Bò tuốt Úc – chợ Phạm Văn Hai (TPHCM)	198.000-200.000	198.000-200.000

Thị trường Gia cầm nội địa ngày 27/9/2021

12:15 27/09/2021

**CÁC DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG GIA CẦM NGÀY 27/09/2021**



<u>Gà trắng</u>	Tại miền Bắc: <b>20.000-22.500</b> đồng/kg Nguồn cung gà công ty tại miền Bắc khá dồi dào	<b>Lưu chuyển gà trắng Nam-Bắc:</b>  Chênh lệch giữa 2 miền bị rút ngắn, cánh thương lái ngừng đóng gà trắng trong Nam ra Bắc từ cuối tuần trước.
	Tại miền Nam: <b>11.000-13.000</b> đồng/kg  Từ 1/10, chợ đầu mối và chợ truyền thống tại TPHCM sẽ dần được mở cửa trở lại thay vì chỉ là điểm trung chuyển như hiện nay.  Tình trạng ngập lụt bên Campuchia được khắc phục hút gà trong Nam sang Cam mạnh hơn, tăng lên khoảng <b>25.000</b> con/ngày.	
<u>Lò An Nhon</u>	Lượng gia cầm đưa vào giết mổ tại lò An Nhon trong ngày cuối tuần 25/9 đạt <b>45.225</b> con, giảm nhẹ 6% so với ngày cuối tuần trước đó (17/9)	
<u>Gà talai CP</u>	Tại miền Bắc: <b>38.000</b> đồng/kg Tại miền Nam: <b>33.000-34.000</b> đồng/kg Gà ta lai tại miền Nam đang lai rai đóng lại ra Hà Giang tiêu thụ, ước tính khoảng 8-10.000 con vào hôm nay	
<u>Vịt thịt</u>	Tại miền Bắc: <b>38.000</b> đồng/kg Tiêu thụ vịt thịt vào những ngày cuối tháng âm lịch trôi hơn	
	Tại miền Đông: <b>38.000-39.000</b> đồng/kg Tại miền Tây: <b>42.000-44.000</b> đồng/kg Nguồn cung vịt thịt tại miền Tây khan hơn hỗ trợ giá đảo chiều tăng lại.	

## Gà trắng

### Diễn biến gà trắng thịt

- **Tại miền Bắc**, giá gà trắng công ty tiếp tục điều chỉnh giảm vào cuối tuần trước và có xu hướng chững lại trong ngày đầu tuần này, giao dịch quanh mức 20.5-22.000 đồng/kg, tùy vùng tùy công ty. Theo đó, giá gà trắng tại thị trường tự do cũng giảm xuống còn 20-21.500 đồng/kg áp dụng cho biểu 3-3.5 kg/con, với gà to 4 kg/con bán được đầu giá 22.500 đồng/kg. Theo nhận định thương nhân, dù gà trong Nam đã tạm ngưng đóng ra Bắc nhưng do nguồn cung gà công ty khá dồi dào khiến giá tại miền Bắc sẽ chững lại mức này trong một vài ngày tới. Trong ngày 26/9, Hà Nội không ghi nhận ca mắc Covid 19 mới sau gần 3 tháng, thành phố cũng đã có kịch bản cho học sinh vùng xanh được trở lại trường học khiến tiêu thụ gà trắng tại các bếp ăn tập thể có khả năng sẽ tốt hơn trong thời gian tới.

- **Tại miền Nam**, giao dịch gà trắng không có biến động mới kể từ cuối tuần trước, giá bán ra tại trại ổn định 11-12.000 đồng/kg, lượng gà tồn tại các công ty lẫn trại dân còn khá nhiều. Chính quyền TPHCM có chủ trương, từ ngày 1/10, chợ đầu mối và chợ truyền thống tại TPHCM sẽ dần được mở cửa trở lại thay vì chỉ là điếm trung chuyển như hiện nay, điều này có thể sẽ thúc đẩy tiêu thụ nội vùng trôi hơn.

- **Tại lò An Nhơn**, lượng gia cầm đưa vào giết mổ trong ngày cuối tuần 25/9 đạt 45.225 con, mức này giảm nhẹ 6% so với ngày cuối tuần trước đó (17/9), đồng thời mức này cũng giảm 30% so với ngày 25/6 (trước khi TPHCM giãn cách toàn thành phố theo chỉ thị số 16).

*Công suất giết mổ gia cầm tại các lò mổ lớn trong ngày cuối tuần (con/ngày)*

Cơ sở giết mổ	Quận huyện	Công suất	Tháng 6 (25/6)	Tháng 9 (17/9)	Tháng 9 (25/9)
An Nhơn	Gò Vấp	82,000	65,235	47,971	45,255

*Bảng 1. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)*

	Khu vực	27/09/2021	24/09/2021	Tuần trước
Gà công ty	Miền Bắc	20.500-22.000	22.000-23.000	22.000-27.000
	Miền Nam	12.000-13.000	12.000-13.000	14.000-16.000
Gà trong dân	<i>Miền Bắc</i>			
	Thái Nguyên	20.000-22.000	21.500-23.000	22.000-26.000
	Vĩnh Phúc	20.000-22.500	22.000-23.500	22.000-26.500
	Hà Nội	20.000-22.500	22.000-23.500	22.000-26.500
	<i>Miền Nam</i>			
	Bình Dương	11.000-12.000	11.000-12.000	12.000-15.000
	Bình Phước	11.000-12.000	11.000-12.000	13.000-16.000

- **Lưu chuyển gà Nam Bắc:** Giá gà trắng tại miền Bắc tiếp tục giảm khiến chênh lệch giữa 2 miền Bắc Nam bị rút ngắn, cánh thương lái ngừng đóng gà trắng trong Nam ra Bắc từ cuối tuần trước.

- **Tình hình đi Cam:** Tình trạng ngập lụt bên Campuchia được khắc phục, trong khi giá gà trắng tại miền Nam vẫn giao dịch ở mức thấp khiến gà trắng khu vực này hút đi Cam mạnh hơn, ước tính tăng lên khoảng 25.000 con/ngày.

*Ước tính lượng gà trắng đi Cam và gà lưu chuyển hai miền Bắc Nam (con/ngày)*

Ngày	Gà đi Cam	Gà đi Bắc
21/9	15,000	7,000
22/9	19,000	-
23/9	16,000	-
24/9	15,000	10,000
27/9	25,000	-

**Diễn biến gà trắng giống**

- **Tại miền Bắc**, giá gà trắng giống ăn cám công ty tiếp tục tăng lên 10.000 đồng/con (trên hóa đơn), giao dịch thực tế được 9.000 đồng/con. Theo đó, giá gà giống bán ngoài cũng nhích nhẹ lên quanh mức 9-10.500 đồng/con do nhu cầu thu mua con giống tốt hơn.

- **Tại miền Nam** cung vượt cầu khiến giá giống ăn cám công ty giao ngay giảm còn 5-6.000 đồng/con, giá giống bán ngoài giảm xuống 6-7.000 đồng/con. Giống trong Nam đang được chào bán ra Bắc với giá 9.000 đồng/con (đã gồm phí vận chuyển).

*Bảng 2. Bảng giá gà trắng giống DOC (đồng/con)*

Vùng/miền	Loại con giống	27/09/2021	24/09/2021
DOC- miền Bắc	Bán ngoài	9.000-10.500	9.000-10.000
	Ăn cám công ty	9.000	8.000
DOC-miền Nam	Bán ngoài	6.000-7.000	8.000
	Ăn cám công ty	5.000-6.000	5.000-7.000
Nam bán ra Bắc	Ăn cám công ty	9.000	9.000

*Bảng 3. Bảng giá trứng gà tại thị trường nội địa (đồng/quả)*

Khu vực	Loại trứng	27/09/2021	24/09/2021
Miền Bắc (trứng gà CP)	Mix03(>=21.3kg)	2050	2050
	Mix04(>=20.3kg)	1950	1950
	Mix05(>=19.3kg)	1850	1850
Miền Nam (trứng gà Vĩnh Thành Đạt)	Loại 23.5kg	1850	1850
	Loại 22.5kg	1750	1750
	Loại 21.5kg	1650	1650
	Loại 20.5kg	1550	1550
	Loại 19.5kg	1450	1450

### Gà màu

- Gà ta lai tại miền Nam đang lai rai được đóng lại ra Hà Giang tiêu thụ, ước tính khoảng 8-10.000 con vào hôm nay, với giá lên xe 33.000 đồng/kg, giá xuống xe được 48.000 đồng/kg.

*Bảng 4. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)*

Khu vực	27/09/2021	24/09/2021	Tuần trước
Gà ta lai CP – miền Bắc	38.000	38.000	38.000
Gà ta lai CP – miền Nam	33.000-34.000	33.000-34.000	31.000-34.000
Gà màu Dabaco – miền Bắc – gà nuôi trên 4 tháng	49.000-51.000	49.000-51.000	48.000-51.000
Gà màu Dabaco – miền Nam- gà nuôi trên 4 tháng	38.000-39.000	38.000-39.000	38.000-39.000

Gà Minh Dư – miền Bắc – gà nuôi trên 4 tháng	48.000-50.000	48.000-50.000	48.000-50.000
Gà Minh Dư – miền Nam – gà nuôi trên 4 tháng	40.000-42.000	40.000-42.000	40.000-42.000

*Bảng 5. Bảng giá gà màu giống DOC miền Bắc (đồng/con)*

Vùng/miền	27/09/2021	24/09/2021
DOC- Dabaco, Hòa Phát	8.000	8.000
DOC-Minh Dư	8.000-10.000	8.000-10.000
DOC- Lai chọi Lai Vượng	8.000	8.000
DOC- Tiến Đạt	10.000	10.000
DOC- Lai mía	13.000	13.000
DOC- Lai Hồ	13.000	13.000

*Bảng 6. Bảng giá gà màu giống DOC miền Nam (đồng/con)*

Vùng/miền	27/09/2021	24/09/2021
DOC- Gà thả vườn Bến Tre	7.000-8.000	7.000-8.000
DOC-Minh Dư	7.000-8.000	7.000-8.000
DOC- Gà ta lai	5.000-7.000	5.000-7.000

### Vịt thịt

- **Tại miền Bắc**, tiêu thụ vịt thịt vào những ngày cuối tháng âm lịch trôi hơn đây giá bán ra tại trại tăng nhẹ lên phổ biến 43-44.000 đồng/kg. Với vịt super giống, giá công ty ổn định 15-16.000 đồng/con, lực vào đàn tại các vùng chăn nuôi như Thường Tín, Thái Nguyên, Hà Nam có chiều hướng tốt hơn.

- **Tại miền Đông**, cung cầu tạm thời cân đối giữ giá chừng lại quanh mức 38-39.000 đồng/kg, với giá này người chăn nuôi vịt đã có chút lời. Trong khi đó, giá vịt **tại miền Tây** đảo chiều tăng lại mức 42-44.000 đồng/kg do nguồn cung vịt thịt khu vực này khan hơn.

*Bảng 7. Giá vịt thịt bán ra tại trại (đồng/kg)*

Vùng/miền	27/09/2021	24/09/2021	Tuần trước
Miền Bắc – Vịt Super	43.000-44.000	42.000-44.000	38.000-44.000
Miền Đông – Vịt Grimaud	38.000-39.000	38.000-39.000	35.000-39.000
Miền Tây – Vịt Grimaud	42.000-44.000	41.000-42.000	37.000-44.000

*Bảng 8. Bảng giá vịt giống DOC (đồng/con)*

Khu vực	Vùng/miền	27/09/2021	24/09/2021
Miền Bắc	DOC- Vịt Super	15.000-16.000	15.000-16.000
	DOC- Vịt Grimaud	15.000-16.000	15.000-16.000
	DOC- Vịt bầu cánh trắng	10.000-11.000	10.000-11.000
Miền Nam	DOC- Vịt Grimaud	8.000-10.000	8.000-10.000

### Giao dịch gà tại các chợ đầu mối lớn

- Tại chợ đầu mối Hà Vỹ, lượng gà trắng đỏ về chợ hôm nay đạt khoảng 3.000-3.500 con, tiêu thụ vẫn tương đối chậm. Giá gà nhập về chợ (mua xô) tiếp tục giảm thêm, xuống mức 25-26.000 đồng/kg, theo đó giá bán ra phổ biến quanh 26-27.000 đồng/kg với gà mái và đạt 27-29.000 đồng/kg với gà trống, tùy biểu và chất lượng gà.

*Bảng 9. Bảng giá gà mua vào và bán ra tại chợ đầu mối Hà Vỹ (đồng/kg)*

<b>Loại gà</b>	<b>Giao dịch</b>	<b>27/09/2021</b>	<b>24/09/2021</b>
Gà trắng	Mua vào	<del>25.000-26.000</del>	27.000
	Bán ra	<del>26.000-29.000</del>	27.000-31.000
Gà màu Dabaco	Mua vào	50.000-52.000	50.000-52.000
	Bán ra	55.000-57.000	55.000-57.000
Gà Japfa	Mua vào	46.000-47.000	46.000-47.000
	Bán ra	51.000-53.000	51.000-53.000